

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 5 năm 2021

**DANH SÁCH DỰ KIẾN SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THUỘC ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ  
NĂM HỌC 2020 - 2021**

| STT                                  |   | KHOA      | LỚP      | MSSV         | HỌ TÊN          | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                         |
|--------------------------------------|---|-----------|----------|--------------|-----------------|-----------|------------|-------------------------------------------------|
| I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ: |   |           |          |              |                 |           |            |                                                 |
| 1                                    | 1 | Ngân hàng | DH33NH03 | 030633170815 | Phuong Hà       | Bkrông    | 01/04/1999 | Dân tộc: Ê Đê;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021. |
| 2                                    | 2 | Ngân hàng | DH33NH05 | 030633171728 | Thạch Thị Mỹ    | Lệ        | 11/01/1998 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khmer).                |
| 3                                    | 3 | Ngân hàng | DH33NH05 | 030633171730 | Bạch Quảng Hồng | Lựa       | 28/08/1998 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                 |
| 4                                    | 4 | Ngân hàng | DH33NH05 | 030633171731 | Kră Jăn         | Nhân      | 10/08/1998 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Kơ-ho).                |
| 5                                    | 5 | Ngân hàng | DH34NH01 | 030134180106 | Đặng Thị Thu    | Hà        | 15/11/2000 | Dân tộc: Dao;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.      |
| 6                                    | 6 | Ngân hàng | DH34NH01 | 030134180672 | Đạt Thị Mỹ      | Hằng      | 15/01/1999 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                 |
| 7                                    | 7 | Ngân hàng | DH34NH02 | 030134180674 | Đồng Thị Hoa    | Lài       | 20/06/1998 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                 |

| STT |    | KHOA      | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN           | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                         |
|-----|----|-----------|----------|------------------|------------------|-----------|------------|-------------------------------------------------|
| 8   | 8  | Ngân hàng | DH34NH04 | 0301341<br>80500 | Đinh Thị Hồng    | Thảo      | 02/07/2000 | Con của thương binh.                            |
| 9   | 9  | Ngân hàng | DH34NH04 | 0301341<br>80675 | Quảng Thị Út     | Thừa      | 15/07/1999 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                 |
| 10  | 10 | Ngân hàng | DH34NH05 | 0301341<br>80585 | Nguyễn Bích      | Trâm      | 26/06/2000 | Con của thương binh<br>(Hạng 3/4 - TT 41%).     |
| 11  | 11 | Ngân hàng | DH35NH03 | 0301351<br>90003 | Trương Thị Tường | Vy        | 28/06/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                 |
| 12  | 12 | Ngân hàng | DH35NH04 | 0301351<br>90266 | Lê Ngọc          | Linh      | 26/05/2001 | Con của bệnh binh                               |
| 13  | 13 | Ngân hàng | HQ7-GE15 | 0506071<br>90606 | Trần Minh        | Tú        | 06/10/2001 | Con của thương binh                             |
| 14  | 14 | Ngân hàng | DH36DC09 | 0301362<br>00216 | Triệu Ngọc       | Hùng      | 13/04/2002 | Dân tộc: Tày<br>Bắc Giang.                      |
| 15  | 15 | Ngân hàng | DH36DC09 | 0301362<br>00427 | Đàng Thị Băng    | Nhi       | 15/10/2002 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021. |
| 16  | 16 | Ngân hàng | DH36DC10 | 0301362<br>00801 | Lâm Yến          | Vy        | 20/12/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khomer) .              |
| 17  | 17 | Ngân hàng | DH36DC11 | 0301362<br>00793 | Kiều Nữ Quỳnh    | Giao      | 03/02/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                 |
| 18  | 18 | Ngân hàng | DH36DC11 | 0301362<br>00796 | Na Phi           | Nít       | 29/12/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khomer) .              |

| STT |    | KHOA      | LỚP      | MSSV         | HỌ TÊN        | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                      |                                                                                      |
|-----|----|-----------|----------|--------------|---------------|-----------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 19  | 19 | Ngân hàng | DH36DC11 | 030136200798 | Thuận Minh    | Tiến      | 25/11/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).              |                                                                                      |
| 20  | 20 | Ngân hàng | DH36DC12 | 030136200797 | Đồng Thị Ngọc | Nữ        | 08/03/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).              |                                                                                      |
| 21  | 21 | Ngân hàng | DH36DC12 | 030136200799 | Đạt Thị Thùy  | Trang     | 08/02/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).              |                                                                                      |
| 22  | 22 | Ngân hàng | DH36DC13 | 030136200800 | Trương Khánh  | Vân       | 06/11/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).              |                                                                                      |
| 23  | 23 | Ngân hàng | DH36DC14 | 030136200792 | Long Thị Kim  | Đẹp       | 22/11/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).              |                                                                                      |
| 24  | 24 | Ngân hàng | HQ8-GE17 | 050608200427 | Vũ Khánh      | Linh      | 03/09/2002 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ                         |                                                                                      |
| 25  | 25 | Tài chính | DH33TC02 | 030633170225 | Kim Diệu      | Ngọc      | 21/07/1998 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021. |                                                                                      |
| 26  | 26 | Tài chính | DH33TC03 | 030633170054 | Lâm Thị Hồng  | Mai       | 20/09/1999 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.  |                                                                                      |
| 27  | 27 | Tài chính | DH34TC02 | 030134180155 | Nguyễn Tiến   | Hoàn      | 08/04/1993 | Con của thương binh<br>(Hạng 4/4).           | Xét học kỳ 2,<br>NH 2020 - 2021<br>(vì bảo lưu<br>KQHT Học kỳ 1,<br>NH 2020 - 2021). |
| 28  | 28 | Tài chính | DH34TC02 | 030134180156 | Chu Việt      | Hoàng     | 13/09/2000 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.  |                                                                                      |
| 29  | 29 | Tài chính | DH34TC05 | 030134180671 | Đàm Thị Kim   | Tuyết     | 15/03/1999 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Nùng).              |                                                                                      |

| STT |    | KHOA      | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN           | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                        |
|-----|----|-----------|----------|------------------|------------------|-----------|------------|------------------------------------------------|
| 30  | 30 | Tài chính | DH34TC05 | 0301341<br>80661 | Vũ Thị Thảo      | Vy        | 30/01/2000 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ.                          |
| 31  | 31 | Tài chính | DH35TC01 | 0301351<br>90664 | Nguyễn Thị Nhi   | Trinh     | 12/11/2001 | Con của Người có công với hoạt động Cách Mạng. |
| 32  | 32 | Tài chính | DH35TC03 | 0301351<br>90117 | Phạm Thanh Tâm   | Đức       | 23/10/2001 | Con của thương binh<br>(Hạng 4/4).             |
| 33  | 33 | Tài chính | DH35TC03 | 0301351<br>90002 | Trương Nữ Tuyết  | Ngân      | 08/05/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                |
| 34  | 34 | Tài chính | DH35TC03 | 0301351<br>90001 | Siu              | Ha        | 20/10/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Gia Rai) .            |
| 35  | 35 | Tài chính | DH35TC06 | 0301351<br>90106 | Nguyễn Tiến      | Đạt       | 29/03/2001 | Con của thương binh<br>(Hạng 4/4).             |
| 36  | 36 | Tài chính | DH35TC06 | 0301351<br>90325 | Nguyễn Thị Ngọc  | Na        | 06/01/2001 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ.                          |
| 37  | 37 | Tài chính | HQ7-GE07 | 0301351<br>90349 | Nguyễn Ngọc Kim  | Ngân      | 31/08/2001 | Con của thương binh                            |
| 38  | 38 | Tài chính | HQ7-GE18 | 0506071<br>90436 | Ah               | Reza      | 27/06/2001 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.    |
| 39  | 39 | Tài chính | DH36DC01 | 0301362<br>00794 | K'               | Kiều      | 01/09/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: KơHo)                 |
| 40  | 40 | Tài chính | DH36DC02 | 0301362<br>00108 | Nguyễn Trần Thúy | Duyên     | 20/01/2002 | Con thương binh                                |
| 41  | 41 | Tài chính | DH36DC03 | 0301362<br>00299 | Vi Nhạc          | Linh      | 19/06/2002 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.     |

| STT |    | KHOA                   | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN         | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                          |
|-----|----|------------------------|----------|------------------|----------------|-----------|------------|--------------------------------------------------|
| 42  | 42 | Tài chính              | DH36DC05 | 0301362<br>00795 | Ka             | Như       | 12/08/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: KơHo).                  |
| 43  | 43 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH33KT01 | 0306331<br>70006 | Ngô Thị Vân    | Anh       | 09/10/1999 | Con của thương binh<br>(Hạng 3 - TT 41%).        |
| 44  | 44 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH33KT02 | 0306331<br>70141 | Phạm Vũ Xuân   | Quỳnh     | 17/01/1999 | Con của thương binh<br>(Hạng 4/4).               |
| 45  | 45 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH33KT05 | 0306331<br>71477 | Nguyễn Thị     | Hiếu      | 14/06/1999 | Con của bệnh binh.                               |
| 46  | 46 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH33KT05 | 0306331<br>71498 | Lê Thị Bích    | Mơ        | 10/06/1999 | Con của thương binh<br>(Hạng 3/4 - TT 41%).      |
| 47  | 47 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH33KT05 | 0306331<br>71725 | Đặng Thị Mỹ    | Tặng      | 18/05/1998 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                  |
| 48  | 48 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH34KT01 | 0305341<br>80254 | Thạch Thị      | Dìn       | 28/08/1999 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khmer).                 |
| 49  | 49 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH34KT02 | 0305341<br>80256 | Kim Thị Cẩm    | Loan      | 06/07/1999 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khmer).                 |
| 50  | 50 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH34KT03 | 0305341<br>80257 | Neáng Srây     | Nich      | 19/11/1999 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khmer).                 |
| 51  | 51 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH35KT03 | 0305351<br>90030 | Lê Thị Thùy    | Dung      | 03/10/2001 | Dân tộc: Mường;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021. |
| 52  | 52 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH35KT04 | 0305351<br>90149 | Trần Thị Thu   | Nguyệt    | 02/02/2001 | Con của bệnh binh<br>(Hạng 2/3 - TT 71%).        |
| 53  | 53 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH35KT04 | 0305351<br>90053 | Hoàng Thị Nhật | Hạ        | 09/06/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ nghèo                       |

| STT |    | KHOA                | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN           | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG   | GHI CHÚ                                          |                                                                                          |
|-----|----|---------------------|----------|------------------|------------------|-----------|-------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 54  | 54 | Kế toán - Kiểm toán | DH35KT04 | 0305351<br>90085 | Trần Doãn        | Huy       | 15/01/2001  | Con của thương binh<br>(Hạng 2/4) .              |                                                                                          |
| 55  | 55 | Kế toán - Kiểm toán | HQ5-GE07 | 0308051<br>70072 | Đỗ Nguyễn Nguyệt | Anh       | 02/12/1999  | Con của thương binh<br>(TT 24%).                 |                                                                                          |
| 56  | 56 | Kế toán - Kiểm toán | HQ5-GE12 | 0308051<br>70045 | Đào Ngọc Minh    | Phuong    | 16/07/1999  | Con của thương binh.                             |                                                                                          |
| 57  | 57 | Kế toán - Kiểm toán | DH36KT03 | 0305362<br>00134 | Phan Liêu        | Nguyên    | 06/10/2002  | Dân tộc: Khomer;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021 |                                                                                          |
| 58  | 58 | Kế toán - Kiểm toán | DH36KT02 | 0305362<br>00264 | Neáng Sóc        | Kia       | 26/09/2001  | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khomer).                |                                                                                          |
| 59  | 59 | Kế toán - Kiểm toán | DH36KT02 | 0305362<br>00151 | Hoàng Thị        | Oanh      | 02/02/2002  | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.      | Xét học kỳ 1,<br>NH 2020 - 2021<br>(vì buộc thôi học<br>từ học kỳ 2, NH<br>2020 - 2021). |
| 60  | 60 | Kế toán - Kiểm toán | DH36KT02 | 0305362<br>00266 | Neáng            | Thai      | 30/07/2001  | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khomer).                |                                                                                          |
| 61  | 61 | Kế toán - Kiểm toán | DH36KT02 | 0305362<br>00267 | Đặng Nữ Tuyết    | Trinh     | 19/05/2001  | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                  |                                                                                          |
| 62  | 62 | Quản trị Kinh doanh | DH33MK02 | 0306331<br>71516 | Huỳnh Hữu        | Chung     | 28/10/1999  | Con của bệnh binh<br>(TT 61%).                   |                                                                                          |
| 63  | 63 | Quản trị Kinh doanh | DH33MK02 | 0306331<br>71401 | Hồng Gia         | Linh      | 04/0/6/1999 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021.   |                                                                                          |
| 64  | 64 | Quản trị Kinh doanh | DH33QT02 | 0306331<br>70978 | Đặng Thúy        | Lời       | 24/8/1999   | Mồ côi cả cha lẫn mẹ.                            |                                                                                          |

| STT |    | KHOA                | LỚP      | MSSV         | HỌ TÊN                 | NGÀY SINH  | ĐỐI TƯỢNG                                                                                              | GHI CHÚ |
|-----|----|---------------------|----------|--------------|------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 65  | 65 | Quản trị Kinh doanh | DH33QT02 | 030633170842 | Hồ Ngọc Phương Uyên    | 27/03/1999 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.                                                             |         |
| 66  | 66 | Quản trị kinh doanh | DH33QT03 | 030633171727 | Tam Bou Drimm          | 15/02/1998 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Kơ-ho).                                                                       |         |
| 67  | 67 | Quản trị kinh doanh | DH33QT03 | 030633170027 | Võ Ngọc Hiền           | 16/01/1999 | Mồ côi mẹ, cha bị khuyết tật mắt sức lao động, không có nguồn nuôi dưỡng;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021. |         |
| 68  | 68 | Quản trị Kinh doanh | DH33QT03 | 030633171292 | Lưu Thanh Phụng        | 01/06/1999 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021.                                                        |         |
| 69  | 69 | Quản trị Kinh doanh | DH33QT03 | 030633171485 | Lê Thế Bảo Quân        | 23/09/1996 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ.                                                                                  |         |
| 70  | 70 | Quản trị Kinh doanh | DH33QT03 | 030633171189 | Hồ Thị Thu Sương       | 27/10/1999 | Con của Người có công với hoạt động Cách Mạng.                                                         |         |
| 71  | 71 | Quản trị Kinh doanh | DH33QT03 | 030633171565 | Nguyễn Thị Phương Thủy | 30/11/1999 | Con của thương binh.                                                                                   |         |
| 72  | 72 | Quản trị Kinh doanh | DH33QT03 | 030633171342 | Trần Ngọc Thanh Trâm   | 24/11/1999 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ.                                                                                  |         |
| 73  | 73 | Quản trị kinh doanh | DH33QT03 | 030633171496 | La Như Uyên            | 24/09/1999 | Con của thương binh.                                                                                   |         |
| 74  | 74 | Quản trị kinh doanh | DH34MK02 | 030334180126 | Lăng Thúy Loan         | 08/03/2000 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.                                                            |         |
| 75  | 75 | Quản trị Kinh doanh | DH34QT01 | 030334180302 | Trương Văn Đồng        | 03/09/1998 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Tày).                                                                         |         |

| STT |    | KHOA                | LỚP      | MSSV         | HỌ TÊN               | NGÀY SINH  | ĐỐI TƯỢNG                                                      | GHI CHÚ |
|-----|----|---------------------|----------|--------------|----------------------|------------|----------------------------------------------------------------|---------|
| 76  | 76 | Quản trị Kinh doanh | DH34QT01 | 030334180123 | Nguyễn Thị Thúy Linh | 04/07/2000 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ.                                          |         |
| 77  | 77 | Quản trị Kinh doanh | DH34QT02 | 030334180207 | Bùi Thị Như Quỳnh    | 15/02/2000 | Con của bệnh binh.                                             |         |
| 78  | 78 | Quản trị Kinh doanh | DH34QT02 | 030334180237 | Đàm Ngọc Thành       | 27/11/2000 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021.                 |         |
| 79  | 79 | Quản trị kinh doanh | DH35MK02 | 030335190060 | Hoàng Thị Bích Hậu   | 29/10/2001 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ.                                          |         |
| 80  | 80 | Quản trị Kinh doanh | DH35QT02 | 030335190002 | Lư Văn Nhân          | 20/1/1998  | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                                |         |
| 81  | 81 | Quản trị Kinh doanh | HQ6-GE08 | 050606180125 | Lê Đình Huân         | 18/07/2000 | Con của Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. |         |
| 82  | 82 | Quản trị Kinh doanh | HQ6-GE09 | 050606180406 | Võ Thị Hoài Thương   | 18/08/2000 | Con của thương binh.                                           |         |
| 83  | 83 | Quản trị Kinh doanh | DH35DD02 | 110301190062 | Tô Minh Vươn Trí     | 05/08/2001 | Con của Người có công với Cách Mạng nhiễm chất độc hóa học.    |         |
| 84  | 84 | Quản trị kinh doanh | DH35QT01 | 030335190226 | Lê Nguyễn Như Quỳnh  | 18/05/2001 | Con của thương binh<br>(Hạng 3/4) .                            |         |
| 85  | 85 | Quản trị kinh doanh | DH35QT03 | 030335190199 | Đinh Thị Kim Oanh    | 04/04/2001 | Dân tộc: <b>Chứt</b> ;<br>Hộ khẩu: Đắc Lắc.                    |         |
| 86  | 86 | Quản trị kinh doanh | DH36QT06 | 030336200116 | Nhâm Gia Khánh       | 28/09/2002 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021.                 |         |
| 87  | 87 | Quản trị kinh doanh | DH36QT06 | 030336200267 | Phan Thị Thảo        | 20/08/2002 | Sinh viên khuyết tật;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021.         |         |



| STT |    | KHOA                | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN           | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                          |
|-----|----|---------------------|----------|------------------|------------------|-----------|------------|--------------------------------------------------|
| 88  | 88 | Quản trị kinh doanh | DH35MK01 | 0303351<br>90113 | Lê Thị Khánh     | Linh      | 20/10/2001 | Con của thương binh                              |
| 89  | 89 | Khoa Quản trị kinh  | DH36QT07 | 0303362<br>00309 | Đinh Hạ          | Trân      | 21/06/2002 | Dân tộc: Mường;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021. |
| 90  | 90 | Ngoại ngữ           | DH33AV01 | 0304331<br>70005 | Phùng Thị        | Chăm      | 27/07/1999 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021.   |
| 91  | 91 | Ngoại ngữ           | DH33AV01 | 0304331<br>70142 | Nguyễn Thành     | Duy       | 28/08/1999 | Con của thương binh<br>(Hạng 4/4 - TT 27%).      |
| 92  | 92 | Ngoại ngữ           | DH33AV03 | 0304331<br>70182 | Đặng Ngọc Yến    | Nhi       | 28/07/1998 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                  |
| 93  | 93 | Ngoại ngữ           | DH34AV01 | 0304341<br>80012 | Phạm Như         | Bình      | 15/07/2000 | Con của bệnh binh<br>(Hạng 2/3 - TT 61%).        |
| 94  | 94 | Ngoại ngữ           | DH34AV01 | 0304341<br>80269 | Quảng Thị Kim    | Giang     | 18/11/1999 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                  |
| 95  | 95 | Ngoại ngữ           | DH34AV02 | 0304341<br>80072 | Nguyễn Thị Khánh | Huyền     | 18/08/1999 | Con của thương binh<br>(Hạng 1/4 - TT 81%) .     |
| 96  | 96 | Ngoại ngữ           | DH34AV02 | 0304341<br>80101 | Nguyễn Hà Vy     | Ly        | 04/11/2000 | Con của thương binh<br>(Hạng 2/4 - TT 62%).      |
| 97  | 97 | Ngoại ngữ           | DH34AV03 | 0304341<br>80175 | Lương Thị        | Tâm       | 01/09/2000 | Dân tộc: Thái;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.      |
| 98  | 98 | Ngoại ngữ           | DH34AV04 | 0304341<br>80272 | Đạo Thị Hồng     | Tuyết     | 28/09/1999 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                  |
| 99  | 99 | Ngoại ngữ           | DH34AV04 | 0304341<br>80273 | Y Thanh          | Uyên      | 23/10/1999 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Xê Đăng).               |

| STT |     | KHOA                             | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN          | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                     |                                                                                       |
|-----|-----|----------------------------------|----------|------------------|-----------------|-----------|------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 100 | 100 | Ngoại ngữ                        | DH35AV01 | 0304351<br>90119 | Trần Thị Phương | Mỹ        | 12/05/2001 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ.                       |                                                                                       |
| 101 | 101 | Ngoại ngữ                        | DH35AV03 | 0304351<br>90004 | Ka              | Thích     | 03/08/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Nôp).              | Xét học kỳ 2,<br>NH 2020 - 2021<br>(vì bảo lưu<br>KQHT Học kỳ 1,<br>NH 2020 - 2021) . |
| 102 | 102 | Ngoại ngữ                        | DH35AV03 | 0304351<br>90090 | Đàng Nữ Hồng    | Khánh     | 21/01/2001 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021. |                                                                                       |
| 103 | 103 | Ngoại ngữ                        | DH35AV03 | 0304351<br>90003 | Đa Ngọc         | Tuấn      | 15/09/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm) .            |                                                                                       |
| 104 | 104 | Ngoại ngữ                        | DH35AV04 | 0304351<br>90002 | Điều            | Tiến      | 30/07/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Mơ nông).          |                                                                                       |
| 105 | 105 | Ngoại ngữ                        | DH35AV04 | 0304351<br>90001 | Lý Thị Thanh    | Tuyết     | 08/01/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Nùng) .            |                                                                                       |
| 106 | 106 | Ngoại ngữ                        | DH36AV03 | 0304362<br>00079 | Trần Thị Thu    | Hương     | 19/08/2002 | Con của thương binh<br>(Hạng 3/4)           |                                                                                       |
| 107 | 107 | Ngoại ngữ                        | DH36AV03 | 0304362<br>00237 | Lưu Thị Ngọc    | Tuyển     | 19/01/2001 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Tày) .             |                                                                                       |
| 108 | 108 | Ngoại ngữ                        | DH36AV04 | 0304362<br>00213 | Lê Thị Anh      | Văn       | 30/01/2002 | Con thương binh                             |                                                                                       |
| 109 | 109 | Hệ thống<br>Thông tin<br>Quản lý | DH33DN01 | 0302331<br>70088 | Hoàng Khánh     | Linh      | 15/10/1999 | Con của bệnh binh.                          |                                                                                       |

| STT |     | KHOA                       | LỚP      | MSSV         | HỌ TÊN               | NGÀY SINH  | ĐỐI TƯỢNG                                                                                            | GHI CHÚ |
|-----|-----|----------------------------|----------|--------------|----------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 110 | 110 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH34TM01 | 030234180016 | Lê Thị Chuyên        | 16/08/1998 | Con của thương binh (TT 81%).                                                                        |         |
| 111 | 111 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH34TM01 | 030234180069 | Trần Mỹ Linh         | 20/03/2000 | Con của Người có công với hoạt động Cách Mạng.                                                       |         |
| 112 | 112 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH34TM01 | 030234180133 | Hà Thu Thùy          | 15/05/2000 | Dân tộc: Thái;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.                                                          |         |
| 113 | 113 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH35DN01 | 030235190170 | Trần Nguyễn Phương   | 02/03/2001 | Con của bệnh binh (TT 61%).                                                                          |         |
| 114 | 114 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH35MK01 | 030335190155 | Trần Thị Hồng Nga    | 16/02/2001 | Con của thương binh (Hạng 1 - TT 81%).                                                               |         |
| 115 | 115 | Kinh tế Quốc tế            | DH33KQ02 | 030633171041 | Nguyễn Cảnh Vinh     | 26/02/1999 | Con của Người hoạt động Cách Mạng.                                                                   |         |
| 116 | 116 | Kinh tế Quốc tế            | DH33KQ03 | 030633171726 | Tsần Đường Chinh     | 01/04/1998 | Hệ cử tuyển (Dân tộc: Hoa).                                                                          |         |
| 117 | 117 | Kinh tế Quốc tế            | DH33KQ03 | 030633171724 | Hoàng Thị Thu Mến    | 07/10/1998 | Hệ cử tuyển (Dân tộc: Tày).                                                                          |         |
| 118 | 118 | Kinh tế Quốc tế            | DH33KQ03 | 030633171220 | Nguyễn Thị Tố Nguyên | 20/12/1999 | Mồ côi cha, mẹ bệnh nặng mất sức lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021. |         |

| STT |     | KHOA            | LỚP      | MSSV         | HỌ TÊN           | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                  |
|-----|-----|-----------------|----------|--------------|------------------|-----------|------------|------------------------------------------|
| 119 | 119 | Kinh tế quốc tế | DH33KQ03 | 030633170220 | Vưu Quan         | Khải      | 03/09/1999 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ                     |
| 120 | 120 | Kinh tế Quốc tế | DH34KQ02 | 030834180081 | Trương Thị Mỹ    | Hoa       | 23/01/2000 | Con của thương binh (Hạng 4/4 - TT 25%). |
| 121 | 121 | Kinh tế Quốc tế | DH34KQ02 | 030834180292 | Thạch Thị Ngọc   | Linh      | 09/09/1999 | Hệ cử tuyển (Dân tộc: Khmer).            |
| 122 | 122 | Kinh tế Quốc tế | DH34KQ04 | 030834180207 | Hà Thị           | Sương     | 27/04/2000 | Con của thương binh (Hạng 4/4 - TT 21%). |
| 123 | 123 | Kinh tế Quốc tế | DH35KQ02 | 030835190001 | Hán Hồng         | Nhiên     | 09/06/2000 | Hệ dự bị (Dân tộc: Chăm).                |
| 124 | 124 | Kinh tế Quốc tế | DH35KQ04 | 030835190103 | Tạ Thị Thu       | Lan       | 04/01/2001 | Con của thương binh (Hạng 4/4 - TT 36%). |
| 125 | 125 | Kinh tế Quốc tế | DH35KQ05 | 030835190072 | Hoàng Thị        | Hiền      | 09/02/2001 | Dân tộc: Nùng; Hộ nghèo năm 2020 - 2021. |
| 126 | 126 | Kinh tế quốc tế | DH36KQ01 | 030836200153 | Hoàng Thị Mỹ     | Tâm       | 22/08/2002 | Hệ cử tuyển (Dân tộc: Nùng) .            |
| 127 | 127 | Kinh tế quốc tế | DH36KQ05 | 030836200257 | Triệu Thị        | Diễm      | 22/04/2001 | Hệ cử tuyển (Dân tộc: Nùng) .            |
| 128 | 128 | Kinh tế Quốc tế | DH36KQ05 | 030836200124 | Nguyễn Thị Tuyết | Nhi       | 19/07/2002 | Con thương binh (Hạng 2/4)               |
| 129 | 129 | Kinh tế quốc tế | DH36KQ05 | 030836200258 | Quang Thị Huyền  | Thanh     | 25/05/2001 | Hệ cử tuyển (Dân tộc: Thái) .            |
| 130 | 130 | Kinh tế quốc tế | DH36KQ05 | 030836200259 | Thông Thị        | Tiên      | 12/05/2001 | Hệ cử tuyển (Dân tộc: Chăm).             |

| STT |     | KHOA         | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN           | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                          |
|-----|-----|--------------|----------|------------------|------------------|-----------|------------|--------------------------------------------------|
| 131 | 131 | Luật kinh tế | DH33LK02 | 0307331<br>70111 | Ka               | Luyện     | 27/02/1998 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Kơ-ho).                 |
| 132 | 132 | Luật kinh tế | DH33LK02 | 0307331<br>70113 | Nguyễn Hoàng     | Yến       | 28/04/1998 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                  |
| 133 | 133 | Luật kinh tế | DH34LK02 | 0307341<br>80125 | Nay              | H' Wen    | 04/05/2000 | Dân tộc: Jrai;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021.  |
| 134 | 134 | Luật kinh tế | DH34LK02 | 0307341<br>80080 | Lê Thị           | Phượng    | 13/04/2000 | Dân tộc: Mường;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021. |
| 135 | 135 | Luật kinh tế | DH34LK02 | 0307341<br>80102 | Nguyễn Thị Thanh | Thùy      | 11/04/2000 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ                             |
| 136 | 136 | Luật kinh tế | DH35LK01 | 0307351<br>90002 | Danh Lý          | Đề        | 09/01/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khmer).                 |
| 137 | 137 | Luật kinh tế | DH35LK02 | 0307351<br>90004 | Thạch Khánh      | Phương    | 20/10/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khmer).                 |
| 138 | 138 | Luật kinh tế | DH35LK02 | 0307351<br>90003 | Từ Nữ Ma         | Ha        | 03/04/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                  |
| 139 | 139 | Luật kinh tế | DH35LK02 | 0307351<br>90005 | Thạch Thị Thúy   | Trâm      | 27/12/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Khmer).                 |
| 140 | 140 | Luật kinh tế | DH35LK02 | 0307351<br>90006 | Đàng Tường       | Vy        | 12/11/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm).                  |
| 141 | 141 | Luật kinh tế | DH35LK03 | 0307351<br>90017 | Phan Ngọc        | Cầm       | 18/04/1998 | Con của thương binh.                             |
| 142 | 142 | Luật kinh tế | DH35LK03 | 0307351<br>90171 | La Thị Hoài      | Xuyên     | 13/08/2001 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ cận nghèo năm 2020 - 2021.  |
| 143 | 143 | Luật kinh tế | DH36LK03 | 0307362<br>00129 | Hoàng Thị        | Thảo      | 18/03/2002 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ khẩu: Đắc Nông.              |

| STT |     | KHOA         | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN        | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                              |
|-----|-----|--------------|----------|------------------|---------------|-----------|------------|--------------------------------------|
| 144 | 144 | Luật kinh tế | DH36LK04 | 0307362<br>00149 | Trần Thị Thùy | Trang     | 02/09/2002 | Con thương binh<br>(Hạng 1 - TT 81%) |

## II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ:

|     |   |           |          |                  |                  |        |            |                                                        |
|-----|---|-----------|----------|------------------|------------------|--------|------------|--------------------------------------------------------|
| 145 | 1 | Ngân hàng | DH33NH01 | 0306331<br>71389 | Lâm Thị Tuyết    | Nhi    | 07/07/1999 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng. |
| 146 | 2 | Ngân hàng | DH33NH02 | 0306331<br>71118 | Kim Thị          | Nguyên | 09/03/1999 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Huyện Trà Cú, Trà Vinh.    |
| 147 | 3 | Ngân hàng | DH33NH03 | 0306331<br>71049 | Nguyễn Cửu Tuyết | Trân   | 13/11/1999 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Huyện Bắc Bình, Bình Thuận. |
| 148 | 4 | Ngân hàng | DH33NH04 | 0306331<br>71042 | Dụng Thị Ngọc    | Huyền  | 18/3/1999  | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Huyện Bắc Bình, Bình Thuận. |
| 149 | 5 | Ngân hàng | DH34NH04 | 0301341<br>80545 | Tiêu Thị Thu     | Thủy   | 06/03/2000 | Dân tộc: Khmer,<br>Hộ khẩu: Huyện Cầu Ngang, Trà Vinh. |
| 150 | 6 | Ngân hàng | DH34NH05 | 0301341<br>80580 | Quang Thị Huyền  | Trang  | 10/02/2000 | Dân tộc: Thái;<br>Hộ khẩu: Đắc Lắc.                    |
| 151 | 7 | Ngân hàng | DH35NH01 | 0301351<br>90060 | Trần Thị Thu     | Cúc    | 01/06/2001 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Huyện Cầu Ngang, Trà Vinh. |
| 152 | 8 | Ngân hàng | DH36DC09 | 0301362<br>00195 | Tsin Văn         | Hiếu   | 09/12/2002 | Dân tộc: Thái;<br>Hộ khẩu: Kon Tum.                    |

| STT |    | KHOA      | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN        | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                                               |
|-----|----|-----------|----------|------------------|---------------|-----------|------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 153 | 9  | Ngân hàng | DH36DC12 | 0301362<br>00577 | Thạch Thị Ánh | Tuyết     | 23/03/2002 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Huyện Ninh Phước,<br>Ninh Thuận.           |
| 154 | 10 | Ngân hàng | DH36DC14 | 0301362<br>00134 | Lê Thị Thu    | Hà        | 13/03/2002 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Đắk Lắk.                                    |
| 155 | 11 | Ngân hàng | DH36DC14 | 0301362<br>00551 | Nìm Cẩm       | Tiên      | 15/05/2002 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ khẩu: Xã Thanh Sơn, Huyện<br>Định Quán, Đồng Nai. |
| 156 | 12 | Ngân hàng | DH36DC15 | 0301362<br>00116 | Bế Thành      | Đạt       | 25/01/2002 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Đắk Nông.                                   |
| 157 | 13 | Ngân hàng | DH36DC15 | 0301362<br>00583 | Hoàng Thị     | Thanh     | 04/11/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Gia Lai.                                   |
| 158 | 14 | Ngân hàng | HQ8-GE15 | 0506082<br>00487 | Huỳnh Thái    | Ngọc      | 01/03/2002 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Xã Phú Tâm, Huyện                         |
| 159 | 15 | Ngân hàng | HQ8-GE19 | 0506082<br>00079 | Ông Vĩnh      | Kỳ        | 21/10/2002 | Dân tộc: Khmer<br>Hộ khẩu: xã Phú Tân, huyện                          |
| 160 | 16 | Tài chính | DH34TC01 | 0301341<br>80039 | Giang Thị Sâm | Báte      | 02/09/2000 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Huyện Trà Cú, Trà<br>Vinh.                |
| 161 | 17 | Tài chính | DH34TC02 | 0301341<br>80220 | Chưóng Nhựt   | Liên      | 21/07/2000 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ khẩu: Lâm Đồng.                                   |
| 162 | 18 | Tài chính | DH34TC03 | 0301341<br>80254 | Vòng Kim      | Linh      | 10/08/2000 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Lâm Đồng.                                  |
| 163 | 19 | Tài chính | DH34TC04 | 0301341<br>80529 | Đặng Thị      | Thoa      | 25/12/2000 | Dân tộc: Dao;<br>Hộ khẩu: Lâm Đồng.                                   |

| STT |    | KHOA                   | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN           | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                                    |
|-----|----|------------------------|----------|------------------|------------------|-----------|------------|------------------------------------------------------------|
| 164 | 20 | Tài chính              | DH35TC05 | 0301351<br>90435 | Lưu Thúy         | Oanh      | 27/10/2001 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Ninh Thuận.                     |
| 165 | 21 | Tài chính              | DH35TC06 | 0301351<br>90264 | Nông Thị         | Liều      | 05/06/2001 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Gia Lai.                         |
| 166 | 22 | Tài chính              | DH35TC07 | 0301351<br>90608 | Hoàng Thị Thu    | Trang     | 13/08/2001 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: H. Đồng Phú, Bình                |
| 167 | 23 | Tài chính              | DH36DC02 | 0301362<br>00410 | Lâm Thị Thanh    | Nguyễn    | 27/06/2002 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: H.Trà Cú, Trà Vinh.            |
| 168 | 24 | Tài chính              | DH36DC04 | 0301362<br>00659 | Vương Hoa        | Trà       | 27/05/2002 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Đăk Lăk.                        |
| 169 | 25 | Tài chính              | DH36DC06 | 0301362<br>00697 | Lý Ngọc          | Trần      | 04/04/2002 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: xã Phú Tâm, Huyện              |
| 170 | 26 | Tài chính              | HQ8-GE14 | 0506082<br>00031 | Trương Thúy      | Diễm      | 25/01/2002 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: xã Phú Tâm, Huyện              |
| 171 | 27 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH33KT02 | 0306331<br>70900 | Kim Thị Sa       | Line      | 22/12/1999 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: H.Trà Cú, Trà Vinh.            |
| 172 | 28 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH33KT03 | 0306331<br>70039 | Mã Diệu          | Ly        | 04/06/1999 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Bình Phước.                      |
| 173 | 29 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH33QT02 | 0306331<br>70904 | Triệu Hoàng Ngọc | Minh      | 13/10/1999 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Đăk Nông.                        |
| 174 | 30 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH34KT01 | 0305341<br>80011 | Dương Bảo        | Châm      | 23/06/2000 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Lâm Đồng.                        |
| 175 | 31 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH34KT01 | 0305341<br>80060 | Ngô Thị          | Hiếu      | 21/09/2000 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Huyện Châu Thành,<br>Trà Vinh. |



| STT |    | KHOA                | LỚP      | MSSV         | HỌ TÊN          | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                                                 |
|-----|----|---------------------|----------|--------------|-----------------|-----------|------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 176 | 32 | Kế toán - Kiểm toán | DH34KT03 | 030534180188 | Thị Hồng        | Thắm      | 03/10/2000 | Dân tộc: Chơ ro;<br>Hộ khẩu: Xã Xuân Thiện, Huyện Thống Nhất, Đồng Nai. |
| 177 | 33 | Kế toán - Kiểm toán | DH35KT01 | 030535190188 | Ksor            | H' Rin    | 19/08/2001 | Dân tộc: JRai;<br>Hộ khẩu: Gia Lai.                                     |
| 178 | 34 | Kế toán - Kiểm toán | DH35KT01 | 030535190057 | Ma Phan Thúy    | Hạnh      | 02/03/2001 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Lâm Đồng.                                     |
| 179 | 35 | Kế toán - Kiểm toán | DH35KT01 | 030535190119 | Mông Hải        | My        | 20/09/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Xã Phú Sơn, Huyện Tân Phú, Đồng Nai.         |
| 180 | 36 | Kế toán - Kiểm toán | DH35KT01 | 030535190252 | Sơn Thị Bảo     | Trân      | 17/09/2001 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Xã Lâm Tân, Huyện Thanh Trị, Sóc Trăng.     |
| 181 | 37 | Kế toán - Kiểm toán | DH35KT04 | 030535190053 | Hoàng Thị Nhật  | Hạ        | 09/06/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Đăk Lăk                                      |
| 182 | 38 | Kế toán - Kiểm toán | DH35KT04 | 030535190083 | Nông Thị        | Hồng      | 04/09/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Đăk Lăk                                      |
| 183 | 39 | Kế toán - Kiểm toán | HQ7-GE09 | 050607190006 | Võ Thị Hoài     | An        | 13/12/2001 | Dân tộc: Chơ Ro;<br>Hộ khẩu: Xã Trà Tân, Huyện Đức Linh, Bình Thuận     |
| 184 | 40 | Kế toán - Kiểm toán | HQ7-GE09 | 050607190470 | Châu Bùi Phương | Thảo      | 27/02/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Đồng Nai.     |
| 185 | 41 | Kế toán - Kiểm toán | DH36KT03 | 030536200313 | Nông Thị Như    | Quỳnh     | 13/10/2002 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Gia Lai                                       |

| STT |    | KHOA                | LỚP      | MSSV         | HỌ TÊN              | NGÀY SINH  | ĐỐI TƯỢNG                                                           | GHI CHÚ |
|-----|----|---------------------|----------|--------------|---------------------|------------|---------------------------------------------------------------------|---------|
| 186 | 42 | Quản trị Kinh doanh | DH34MK02 | 030334180163 | Trương Bích Ngân    | 04/06/2000 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ khẩu: TT.Hưng Lợi, Huyện Thanh Trì, Sóc Trăng.  |         |
| 187 | 43 | Quản trị Kinh doanh | DH34QT01 | 030334180022 | Thạch Thị Ngọc Bích | 21/02/2000 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Xã Hiệp Hòa, Huyện Cầu Ngang, Trà Vinh. |         |
| 188 | 44 | Quản trị Kinh doanh | DH34QT02 | 030334180184 | Vi Thị Nhung        | 07/12/2000 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Lâm Đồng.                                |         |
| 189 | 45 | Quản trị Kinh doanh | DH35MK01 | 030335190085 | Dương Thị Thu Hương | 20/01/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Đắk Lắk.                                 |         |
| 190 | 46 | Quản trị kinh doanh | DH35MK02 | 030335190280 | Lãnh Thị Linh Trang | 03/02/2001 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Đắk Lắk.                                  |         |
| 191 | 47 | Quản trị kinh doanh | DH35MK03 | 030335190076 | Hoàng Mai Huệ       | 24/08/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Đắk Lắk.                                 |         |
| 192 | 48 | Quản trị Kinh doanh | DH35QT03 | 030335190179 | Mã Thị Nhi          | 18/12/2001 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Xã Tân Phước, H.                          |         |
| 193 | 49 | Quản trị Kinh doanh | HQ6-GE08 | 050606180074 | Neáng Linl Đa       | 01/01/2000 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Xã An Hảo, H.Tĩnh                       |         |
| 194 | 50 | Quản trị kinh doanh | HQ7-GE12 | 050607190488 | Thạch Cảnh Thịnh    | 24/01/2001 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Vĩnh Hậu A, H.Hòa                       |         |
| 195 | 51 | Quản trị kinh doanh | DH35MK01 | 030335190085 | Dương Thị Thu Hương | 20/01/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Đắk Lắk                                  |         |
| 196 | 52 | Quản trị kinh doanh | DH35QT01 | 030335190213 | Lâm Hữu Phước       | 14/08/2001 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ khẩu: Sóc Trăng.                                |         |

| STT |    | KHOA                | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN        | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                                             |
|-----|----|---------------------|----------|------------------|---------------|-----------|------------|---------------------------------------------------------------------|
| 197 | 53 | Quản trị kinh doanh | DH35QT01 | 0303351<br>90223 | Lê Thị Hảo    | Quyên     | 06/02/2001 | Dân tộc: Kinh;<br>Hộ khẩu: Đắc Lắc                                  |
| 198 | 54 | Quản trị kinh doanh | DH36QT02 | 0303362<br>00082 | Nông Minh     | Hoàn      | 27/08/2002 | Dân tộc: Tày;<br>Hộ khẩu: Lâm Đồng.                                 |
| 199 | 55 | Quản trị kinh doanh | DH36QT02 | 0303362<br>00338 | Vi Thị Hải    | Yến       | 23/03/2002 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Xã Sông Ray, Huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai.     |
| 200 | 56 | Quản trị kinh doanh | DH36QT04 | 0303362<br>00218 | Hoàng Mỹ      | Duyên     | 29/08/2002 | Dân tộc: Tày<br>Hộ khẩu: Xã Sông Trầu, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai.   |
| 201 | 57 | Quản trị kinh doanh | DH36QT04 | 0303362<br>00195 | Hoàng Lê Cẩm  | Nhung     | 10/05/2002 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Xã Bảo Quang, TP. Long Khánh, Đồng Nai.  |
| 202 | 58 | Quản trị Kinh doanh | DH36QT07 | 0303362<br>00373 | Thạch Thị Anh | Thư       | 04/12/2002 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Xã Hòa Tân, Huyện Cầu Kè, Trà Vinh.     |
| 203 | 59 | Ngoại Ngữ           | DH34AV01 | 0304341<br>80014 | Ngưu Thị      | Châm      | 09/07/2000 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Bình Phước. |
| 204 | 60 | Ngoại ngữ           | DH34AV01 | 0304341<br>80049 | Hờ            | Hà        | 10/04/2000 | Dân tộc: Hà Roi;<br>Hộ khẩu: Xã Sơn Hà, Huyện Sơn Hòa, Phú Yên.     |
| 205 | 61 | Ngoại ngữ           | DH35AV04 | 0304351<br>90205 | H'            | Thùy      | 26/01/2001 | Dân tộc: M' Nong;<br>Hộ khẩu: Đắc Nông.                             |

| STT |    | KHOA                       | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN           | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                                              |
|-----|----|----------------------------|----------|------------------|------------------|-----------|------------|----------------------------------------------------------------------|
| 206 | 62 | Ngoại ngữ                  | DH35AV04 | 0304351<br>90257 | TSản Đường       | Văn       | 10/03/2001 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ khẩu: Sông Lũy, Huyện Bắc Bình, Bình Thuận.      |
| 207 | 63 | Ngoại ngữ                  | DH35AV04 | 0304351<br>90204 | Đồng Mỹ Uyên     | Thuật     | 03/10/2001 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Phước Hữu, Huyện Ninh Phước, Ninh Thuận.  |
| 208 | 64 | Ngoại ngữ                  | DH35AV05 | 0304351<br>90114 | Huỳnh Thị        | Mai       | 02/09/2001 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Xã Phan Hiệp, Huyện Bắc Bình, Bình Thuận. |
| 209 | 65 | Ngoại ngữ                  | DH36AV03 | 0304362<br>00098 | Trương Phạm Lưu  | Ly        | 25/11/2002 | Dân tộc: Thổ;<br>Hộ khẩu: xã Canh Hòa, Huyện Vân Canh, Bình Định.    |
| 210 | 66 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH34DN01 | 0302341<br>80021 | Trương Thị       | Dung      | 08/08/2000 | Dân tộc: Mường;<br>Hộ khẩu: Lâm Đồng.                                |
| 211 | 67 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH34DN01 | 0302341<br>80113 | Huỳnh Giang      | Son       | 17/09/2000 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ khẩu: Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Kiên Giang.  |
| 212 | 68 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH34TM01 | 0302341<br>80146 | Trương Nữ Hoàng  | Trinh     | 28/04/2000 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Huyện Ninh Phước, Ninh Thuận.             |
| 213 | 69 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH36HT03 | 0302362<br>00203 | Kim Thị Ngọc Như | Ý         | 08/02/2002 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: H.Trà Cú, Trà Vinh.                      |
| 214 | 70 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH36HT03 | 0302362<br>00021 | Y                | Diệp      | 17/09/2002 | Dân tộc: Gié-Triêng;<br>Hộ khẩu: Kon Tum                             |

| STT |    | KHOA            | LỚP      | MSSV         | HỌ TÊN                  | NGÀY SINH  | ĐỐI TƯỢNG                                                          | GHI CHÚ |
|-----|----|-----------------|----------|--------------|-------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------|---------|
| 215 | 71 | Kinh tế Quốc tế | DH34KQ01 | 030834180046 | Nông La Thị Duyên       | 10/07/2000 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Đăk Nông.                               |         |
| 216 | 72 | Kinh tế Quốc tế | DH34KQ04 | 030834180192 | Cún Thế Phương          | 07/01/2000 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ khẩu: Xã Bàu Hàm, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai.   |         |
| 217 | 73 | Luật kinh tế    | DH33LK01 | 030733170103 | Kinh Lượng Bảo Trân     | 21/07/1999 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Huyện Tuy Phong, Bình Thuận.            |         |
| 218 | 74 | Luật kinh tế    | DH33LK02 | 030733170061 | Bình Nguyễn Khánh Duyên | 01/05/1999 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Đăk Lăk.                                |         |
| 219 | 75 | Luật kinh tế    | DH34LK02 | 030734180074 | Lư Thị Yến Phi          | 10/01/2000 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Bình Thuận.                             |         |
| 220 | 76 | Luật kinh tế    | DH35LK01 | 030735190061 | Nông Thị Thúy Lành      | 22/01/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Xã Tân Lợi, Huyện Đồng Phú, Bình Phước. |         |
| 221 | 77 | Luật kinh tế    | DH35LK02 | 030735190047 | Đồng Nữ Xuân Hoài       | 16/06/2001 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Huyện Ninh Phước, Ninh Thuận.           |         |
| 222 | 78 | Luật kinh tế    | DH35LK03 | 030735190021 | Thạch Đoàn Huế Dung     | 21/03/2001 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Xã Đa Lộc, Huyện Châu Thành, Trà Vinh. |         |
| 223 | 79 | Luật kinh tế    | DH35LK03 | 030735190104 | Thạch Nhựt Qui          | 01/01/2001 | Dân tộc: Khmer;<br>Hộ khẩu: Xã Ngũ Lạc, Huyện Duyên Hải, Trà Vinh. |         |
| 224 | 80 | Luật kinh tế    | DH36LK03 | 030736200129 | Hoàng Thị Thảo          | 18/03/2002 | Dân tộc: Hoa;<br>Hộ khẩu: Đăk Nông.                                |         |

| STT                                   | KHOA | LỚP       | MSSV     | HỌ TÊN           | NGÀY SINH       | ĐỐI TƯỢNG | GHI CHÚ    |                                                                                                                   |
|---------------------------------------|------|-----------|----------|------------------|-----------------|-----------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| III. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢM 50% HỌC PHÍ: |      |           |          |                  |                 |           |            |                                                                                                                   |
| 225                                   | 1    | Ngân hàng | DH34NH01 | 0301341<br>80005 | Bùi Thị Mai     | Anh       | 02/06/2000 | Con của CB-CNV bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên.                                               |
| 226                                   | 2    | Ngân hàng | HQ6-GE12 | 0506061<br>80326 | Từ Minh         | Tâm       | 15/09/2000 | Con của CB-CNV bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên.                                               |
| 227                                   | 3    | Ngân hàng | DH36DC09 | 0301362<br>00483 | Nguyễn Hà Hoàng | Phúc      | 13/09/2002 | Con của CB-CNV bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên.                                               |
| 228                                   | 4    | Ngân hàng | DH36DC12 | 0301362<br>00655 | Võ Thị Hoài     | Thương    | 25/04/2002 | Con của CB-CNV bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên.                                               |
| 229                                   | 5    | Tài chính | DH33TC01 | 0306331<br>70541 | Đình Quốc       | Toàn      | 18/12/1999 | Con của CB-CNV bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên.                                               |
| 230                                   | 6    | Tài chính | DH34TC04 | 0301341<br>80519 | Lê Ngọc         | Thi       | 26/08/2000 | Con của CB-CNV (mẹ) bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;<br>Mồ côi cha. |
| 231                                   | 7    | Tài chính | HQ6-GE08 | 0506061<br>80166 | Nguyễn Đăng     | Khoa      | 30/05/2000 | Con của CB-CNV bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên.                                               |

| STT |    | KHOA                       | LỚP      | MSSV             | HỌ TÊN          | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                                             |
|-----|----|----------------------------|----------|------------------|-----------------|-----------|------------|---------------------------------------------------------------------|
| 232 | 8  | Tài chính                  | DH36DC01 | 0301362<br>00763 | Hồ Thị Hà       | Vy        | 26/02/2002 | Con của CB-CNV bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên. |
| 233 | 9  | Quản trị Kinh doanh        | DH34QT02 | 0303341<br>80254 | Vũ Thị Kim      | Thư       | 26/02/2000 | Cha bị khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên.     |
| 234 | 10 | Quản trị Kinh doanh        | DH35MK02 | 0303351<br>90183 | Nguyễn Thân Vân | Nhi       | 10/09/2001 | Cha mắc bệnh được hưởng trợ cấp thường xuyên.                       |
| 235 | 11 | Quản trị Kinh doanh        | HQ7-GE11 | 0506071<br>90569 | Võ Thị Thanh    | Trâm      | 14/02/2001 | Mẹ mắc bệnh được hưởng trợ cấp thường xuyên.                        |
| 236 | 12 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH33TM01 | 0302331<br>70046 | Đậu Thị Hồng    | Nhung     | 30/04/1999 | Cha bị khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên.     |
| 237 | 13 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH34DN01 | 0302341<br>80070 | Trần Thùy       | Linh      | 30/03/2000 | Con của CB-CNV bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên. |
| 238 | 14 | Hệ thống Thông tin Quản lý | DH35DN01 | 0302351<br>90019 | Đặng Thị        | Diễm      | 17/07/2001 | Cha bị khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên.     |

***Danh sách này gồm 238 sinh viên./.***

**PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 5 năm 2021

**DANH SÁCH DỰ KIẾN SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THUỘC ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ  
BỔ SUNG NĂM HỌC 2019 - 2020**

| STT                                         | KHOA | LỚP                    | MSSV     | HỌ TÊN           | NGÀY SINH               | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                           |
|---------------------------------------------|------|------------------------|----------|------------------|-------------------------|------------|---------------------------------------------------|
| <b>I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ:</b> |      |                        |          |                  |                         |            |                                                   |
| 1                                           | 1    | Ngân hàng              | DH35NH04 | 0301351<br>90266 | Lê Ngọc<br>Linh         | 26/05/2001 | Con của bệnh binh                                 |
| 2                                           | 2    | Ngân hàng              | HQ7-GE15 | 0506071<br>90606 | Trần Minh<br>Tú         | 06/10/2001 | Con của thương binh                               |
| 3                                           | 3    | Tài chính              | DH35TC01 | 0301351<br>90664 | Nguyễn Thị Nhi<br>Trinh | 12/11/2001 | Con của Người có công với<br>hoạt động Cách Mạng. |
| 4                                           | 4    | Tài chính              | HQ7-GE07 | 0301351<br>90349 | Nguyễn Ngọc Kim<br>Ngân | 31/08/2001 | Con của thương binh                               |
| 5                                           | 5    | Quản trị kinh<br>doanh | DH34MK02 | 0303341<br>80126 | Lăng Thúy<br>Loan       | 08/03/2000 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021.       |
| 6                                           | 6    | Quản trị kinh<br>doanh | DH35QT01 | 0303351<br>90226 | Lê Nguyễn Như<br>Quỳnh  | 18/05/2001 | Con của thương binh<br>(Hạng 3/4) .               |
| 7                                           | 7    | Quản trị kinh<br>doanh | DH35MK01 | 0303351<br>90113 | Lê Thị Khánh<br>Linh    | 20/10/2001 | Con của thương binh                               |
| 8                                           | 8    | Ngoại ngữ              | DH35AV03 | 0304351<br>90003 | Đa Ngọc<br>Tuấn         | 15/09/2000 | Hệ cử tuyển<br>(Dân tộc: Chăm) .                  |



|   |   |                    |          |                  |          |      |            |                      |  |
|---|---|--------------------|----------|------------------|----------|------|------------|----------------------|--|
| 9 | 9 | Kinh tế Quốc<br>tế | DH33KQ03 | 0306331<br>70220 | Vưu Quan | Khải | 03/09/1999 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ |  |
|---|---|--------------------|----------|------------------|----------|------|------------|----------------------|--|

## II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ:

|    |   |                        |          |                  |             |      |            |                                                                         |  |
|----|---|------------------------|----------|------------------|-------------|------|------------|-------------------------------------------------------------------------|--|
| 10 | 1 | Kế toán -<br>Kiểm toán | DH35KT04 | 0305351<br>90083 | Nông Thị    | Hồng | 04/09/2001 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ khẩu: Đăk Lăk                                      |  |
| 11 | 2 | Kế toán -<br>Kiểm toán | HQ7-GE09 | 0506071<br>90006 | Võ Thị Hoài | An   | 13/12/2001 | Dân tộc: Chơ Ro;<br>Hộ khẩu: Xã Trà Tân, Huyện<br>Đức Linh, Bình Thuận  |  |
| 12 | 3 | Ngoại ngữ              | DH35AV05 | 0304351<br>90114 | Huỳnh Thị   | Mai  | 02/09/2001 | Dân tộc: Chăm;<br>Hộ khẩu: Xã Phan Hiệp,<br>Huyện Bắc Bình, Bình Thuận. |  |

*Danh sách này gồm 12 sinh viên./.*

**PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HCM  
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 5 năm 2021*

**DANH SÁCH DỰ KIẾN SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THUỘC ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ  
BỔ SUNG NĂM HỌC 2018 - 2019**

| STT                                         | KHOA | LỚP                    | MSSV     | HỌ           | TÊN       | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                     |
|---------------------------------------------|------|------------------------|----------|--------------|-----------|-----------|------------|---------------------------------------------|
| <b>I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ:</b> |      |                        |          |              |           |           |            |                                             |
| 1                                           | 1    | Quản trị<br>kinh doanh | DH34MK02 | 030334180126 | Lăng Thúy | Loan      | 08/03/2000 | Dân tộc: Nùng;<br>Hộ nghèo năm 2020 - 2021. |

*Danh sách này gồm 01 sinh viên./.*

**PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HCM  
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 5 năm 2021*

**DANH SÁCH DỰ KIẾN SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THUỘC ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ  
BỔ SUNG NĂM HỌC 2017 - 2018**

| STT                                         | KHOA | LỚP                    | MSSV     | HỌ           | TÊN             | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG  | GHI CHÚ                                                                                      |
|---------------------------------------------|------|------------------------|----------|--------------|-----------------|-----------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ:</b> |      |                        |          |              |                 |           |            |                                                                                              |
| 1                                           | 1    | Quản trị<br>Kinh doanh | HQ3-GE04 | 030631151326 | Đinh Ngọc Thạch | Thảo      | 12/02/1997 | Con của thương binh<br>(Hạng 4/4 - TT 31%).<br><br>Năm học sau<br>thời gian bảo<br>lưu KQHT. |

*Danh sách này gồm 01 sinh viên./.*

**PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN**